TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2026/HN&GĐ-ST
Ngày: 16/6/2026
V/v : Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử trực tuyến sơ thẩm gồm có:

+ Tại điểm cầu Trung tâm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu và bà Đồng Thị Mây

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Hiền Lương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên tòa tại điểm cầu trung tâm:* Ông Phạm Việt Hoàng - Kiểm sát viên.

+ Tại điểm cầu thành phần:

Ông Tăng Bá Thắng - Kiểm sát viên

Bà Ngô Minh Ngọc - Thư ký Tòa án

Ngày 16/6/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai và trực tuyến vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 188/2026/TLST-HN&GĐ ngày 01/4/2026 về việc: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2026/QĐXX-ST ngày 12/5/2026, Quyết định hoãn phiên toà số 89/2026/QĐST-HN&GĐ ngày 29/5/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị T1, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn L, xã T, thành phố Đà Nẵng.

Số CCCD: 049188008325 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 23/11/2022.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Thành Đ, sinh năm 1994

Nơi cư trú: Xóm Đ, thôn M, xã K, thành phố Hải Phòng.

Số CMND: 142734355 do Giám đốc Công an tỉnh H cấp ngày 01/9/2010.

(*Chị T1 có mặt, anh Đ vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Phạm Thị T1 trình bày: Chị và anh Đỗ Thành Đ tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay

là UBND xã K, thành phố Hải Phòng) vào ngày 12/10/2018. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống với nhau và thuê nhà tại S. Thời điểm đó, chị mang bầu có vấn đề về sức khoẻ, em bé sinh ra sức khỏe phải điều trị đặc biệt khi sinh ra nên con chị đã phải trải qua nhiều lần phẫu thuật can thiệp nhưng anh Đ không có mặt 02 lần (04 lần phẫu thuật) khiến chị rất buồn phiền. Bên cạnh đó, anh Đ còn nghi ngờ em bé không phải con chung của vợ chồng nên đã bứt tóc con đi xét nghiệm ADN khiến bản thân chị vô cùng tuyệt vọng nhưng sau đó kết quả vẫn là con của anh Đ, từ đó tình cảm vợ chồng sứt mẻ nhưng bản thân chị vẫn tha thứ cho anh Đ để gia đình trọn vẹn. Tháng 4 năm 2021, do dịch COVID-19 nên vợ chồng chị đã chuyển về sinh sống tại nhà bố mẹ chồng chị là ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị N1, tại xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là Xã K, thành phố Hải Phòng). Thời điểm đó, anh Đ thường xuyên ghen tuông, đa nghi, khiến cuộc sống vợ chồng bí bách ngột ngạt. Hơn nữa do chị là người ở vùng miền khác nên việc làm dâu không được thuận lợi. Tháng 11 năm 2021, do mâu thuẫn vợ chồng và giữa chị và gia đình chồng quá trầm trọng nên chị đã bế con về Quảng Nam (nay là thành phố Đà Nẵng) sinh sống với mẹ đẻ. Kể từ thời điểm đó, vợ chồng chị chính thức sống ly thân với nhau. Bản thân anh Đ cũng không hề níu kéo mặc dù chị đã cho anh Đ nhiều cơ hội, thường xuyên liên lạc để bố con gần gũi nhau nhưng anh Đ không cố gắng gắn kết cùng con. Hơn nữa chị cũng nhiều lần khuyên anh Đ về làm gần để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh Đ phớt lờ, không nghe. Đã 05 năm nay anh không về thăm con, trước đây anh Đ có cấp dưỡng nuôi con nhưng khoảng 01 năm nay anh không gửi tiền về để hỗ trợ chị chăm sóc con. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Đ, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là Đỗ An P, sinh ngày 13/6/2019. Hiện nay cháu P đang ở cùng với chị. Hiện nay chị đang làm tại Công ty TNHH T3 với mức thu nhập hàng tháng là 10.800.000 đồng nên chị đủ khả năng nuôi con mà không cần anh Đ cấp dưỡng. Sau khi ly hôn, chị đề nghị Toà án giao con chung cho chị tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, chị tự nguyện không yêu cầu anh Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, chị không yêu cầu T2 án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập anh Đ và tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Đ nhưng anh Đ không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, không gửi quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản xác minh tại Công an xã K, trưởng thôn M xác định: Anh Đỗ Thành Đ hiện tại vẫn cư trú tại địa phương, quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn nên chị T1 đã về nhà bố mẹ đẻ ở.

Tại biên bản ghi lời khai của bà Nguyễn Thị N1 là mẹ đẻ anh Đ thể hiện: Anh Đ, chị T1 sau khi kết hôn về chung sống cùng ông bà. Trong quá trình chung sống có mâu thuẫn nhỏ, theo bà biết là do chị gái chị T1 xui chị T1 bỏ anh Đ dẫn đến anh Đ nổi nóng và có những lời lẽ không hay với chị gái chị T1, do vậy vợ chồng xảy ra cãi cọ nhau, lời qua tiếng lại, hiện tại chị T1 đã về nhà bố mẹ đẻ ở, anh Đ vẫn sinh sống cùng ông bà. Các văn bản tố tụng Toà án gửi cho anh Đ thì bà đều giao cho anh Đ biết.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Hoàng Thị N2 là mẹ đẻ chị T1 xác định: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị T1, anh Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Đ có nguyện vọng đi làm xa, không thường xuyên ở bên vợ con, tính tình hai vợ chồng không hoà hợp nhau. Chị T1 đã về nhà bà ở được 5 năm nay. Nay chị T1 có đơn ly hôn anh Đ, bà đề nghị Toà án giải quyết ly hôn cho chị T1 để chị T1 ổn định cuộc sống nuôi con. Chị T1 có nguyện vọng được nuôi con thì bà tôn trọng nguyện vọng của chị T1, chị T1 có công việc và thu nhập ổn định nên sẽ đảm bảo việc nuôi con. Bà cũng sẽ tạo điều kiện về chỗ ăn ở, sinh hoạt cho mẹ con chị T1 và trông con giúp chị T1 khi chị T1 đi làm.

Tại phiên tòa: Chị T1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn anh Đ, chị đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Đ đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 39 của Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Xử cho chị Phạm Thị T1 được ly hôn anh Đỗ Thành Đ. Về con chung: Giao con chung Đỗ An P, sinh ngày 13/6/2019 cho chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T1 không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra việc giải quyết. Về án phí: Chị T1 phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị T1 yêu cầu xin ly hôn anh Đỗ Thành Đ và giải quyết về con chung nên quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn. Bị đơn anh Đ hiện đang cư trú tại thôn M, xã K, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh Đỗ Thành Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh Đ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T1 và anh Đỗ Thành Đ kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã K, thành phố Hải Phòng) vào ngày 12/10/2018 là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị T1 thì thấy rằng: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T1, anh Đ do trong quá trình chung sống, vợ chồng hay cãi nhau, bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng không còn sự tin tưởng, anh Đ thường xuyên ghen tuông, đa nghi, khiến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Chị T1 đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ năm 2021, vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay, không còn ai quan tâm tới ai nữa. Anh Đ cũng không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ hôn nhân với chị T1, vắng mặt tại phiên hoà giải. Chị T1 vẫn kiên quyết đề nghị xin ly hôn với anh Đ. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T1, anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Toà án chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị T1 xin được ly hôn anh Đỗ Thành Đ là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về quan hệ con chung: Chị T1 và anh Đ có 01 con chung là Đỗ An P, sinh ngày 13/6/2019. Hiện con chung đang ở cùng chị T1. Chị T1 có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị T1 có công việc và thu nhập ổn định, gia đình chị T1 luôn tạo điều kiện tốt nhất để chị nuôi con. Anh Đ vắng mặt và không bày tỏ quan điểm về việc nuôi con, do vậy để đảm bảo sự ổn định, không bị xáo trộn về cuộc sống của con chung nên cần giao con chung Đỗ An P cho chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T1 không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Anh Đ không trình bày quan điểm. Vì vậy, không đặt ra việc giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T1 có đơn xin ly hôn nên chị T1 phải nộp án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T1 được ly hôn anh Đỗ Thành Đ.

2. Về con chung: Giao con chung Đỗ An P - sinh ngày 13/06/2019 cho chị Phạm Thị T1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T1 không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị T1 phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng theo biên lai ký hiệu: BLTU/26E số 0002852 ngày 16/3/2026. Chị T1 đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị T1, vắng mặt anh Đ. Chị Phạm Thị T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đỗ Thành Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự TP Hải Phòng;
- UBND xã Kim Thành, TP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hạnh